

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư sử dụng trong can thiệp, phẫu thuật tim mạch và nút mạch của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024-2025 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 13 tháng 5 năm 2024 đến trước 17h ngày 23 tháng 5 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 23 tháng 5 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bóng nong van động mạch phổi trẻ em các cỡ	Chất liệu Polyamid hoặc tương đương. Có đánh dấu chắn xạ giúp định vị bóng. Kích thước đường kính bóng: 4 đến 20 mm, chiều dài bóng 20 đến 30 mm. Đường kính sheath tối thiểu 3Fr.	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Dây dẫn tương thích với các bóng: 0.014 đến 0.035 inches. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		
2	Bóng phá vách liên nhĩ	Có đánh dấu cân quang, đường kính 9.5mm đến 13.5mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	3
3	Bóng đo đường kính thông liên nhĩ	Cỡ bóng 18 mm đến 34 mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15
4	Bộ mở thông lòng mạch đường tay các cỡ	Bao gồm các thành phần sau: kim catheter chọc mạch cỡ 20G, Dây dẫn cỡ 0.025 inches x 45cm, Bơm tiêm 2.5ml, ống dẫn, que nong, Dao rạch da. Sheath có phủ lớp ái nước. Kích thước: các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr dài 10cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	105
5	Dây dẫn chẩn đoán ái nước đầu thẳng 150cm	Cấu tạo: dây lõi kim loại, phủ lớp ái nước. Đầu thẳng. Kích thước: cỡ 0.035 inches, dài 150cm. Tiết trùng bằng EO hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	40
6	Dây dẫn chẩn đoán ái nước đầu cong 260cm	Cấu tạo: dây lõi kim loại, phủ lớp ái nước. Đặc điểm, hình dạng: đầu cong góc 45 độ hoặc hình chữ J. Kích thước: cỡ 0.035 inches dài 260cm. Tiết trùng bằng EO hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10
7	Dây dẫn can thiệp mạch vành 0.014	Đường kính 0.014 inches, chiều dài 185cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10
8	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh (9GW)	Dây dẫn đường hỗ trợ can thiệp. Dây dẫn đường làm từ thép không rỉ với lớp phủ PTFE (Polytetrafluoroethylene) hoặc tương đương. Đường kính dây dẫn 0.035 inches với chiều dài 260cm và 300cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15
9	Catheter chẩn đoán Pigtail các cỡ	Kiểu dáng cuộn đuôi lợn, thân thẳng. Cấu trúc 3 lớp: lớp đan kép ở giữa, đầu catheter linh hoạt. Lòng rộng 1.2mm (5Fr), 1.05mm (4Fr) .Chất liệu Polyurethan hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	30
10	Catheter chẩn đoán Multi các cỡ	Cấu trúc 3 lớp, lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan hoặc tương đương. Kích thước: cỡ 5F: dài 100cm, lòng rộng 1.20mm; cỡ 4F: dài 80cm, lòng rộng 1.05mm. Tiết trùng bằng EO hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	40
11	Catheter chẩn đoán JR các cỡ	Cấu trúc 3 lớp, lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan hoặc tương đương. Cấu tạo: Cỡ 5Fr có lòng rộng 1.20mm và cỡ 4Fr có lòng rộng 1.05mm. Dài 100cm. Tiết trùng bằng EO hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	5
12	Bộ Sheath để thả dù đóng lỗ thông ống động mạch, thông liên thất, thông liên nhĩ các cỡ	Bộ dụng cụ bung dù. Kích thước, thông số kỹ thuật: 4F,5F,6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	30

T
 C
 S
 Q
 S

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	Dù bít còn ống động mạch tương thích MRI	Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester hoặc tương đương. Tỷ lệ đóng $\geq 98,4\%$ sau 06 tháng Kích cỡ: 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	5
14	Dù bít còn ống động mạch loại 02 cánh các cỡ	Dù bít còn ống động mạch loại 02 cánh. Kích thước: 3/2, 3/4, 3/6, 4/2, 4/4, 4/6, 5/2, 5/4, 5/6, 6/4, 6/6mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	20
15	Dù bít lỗ thông liên nhĩ các cỡ, tương thích MRI	Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester hoặc tương đương. Kích cỡ đa dạng: 4, 5, 6, 7,8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 24, 26, 28,30,32,34,36,38,40 mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	15
16	Bộ dụng cụ thả đóng lỗ thông liên thất	Đường kính từ 5F đến 14 Fr, có lớp lót PTFE hoặc tương đương. Đầu cong 180 độ dễ dàng lấy ra hoặc đặt lại. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	3
17	Dụng cụ bắt dị vật	Dùng chụp bắt hoặc lấy lại các dị vật như dây dẫn, ống thông, coin,... Đầu vọt vuông góc với thân vọt. Bộ dụng cụ bao gồm: Đầu vọt, dây dẫn, mô - men xoắn và bộ phận kết nối chữ Y. Chiều dài 120cm, đường kính vòng vọt từ 5mm đến 30mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	2
18	Kim chọc động mạch 20G	Kim chọc động mạch cỡ 20G x 2 inches. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	300
19	Bộ khăn can thiệp điện sinh lý	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ L 240x200 ($\pm 5\%$). 01 Khăn chụp mạch vành E2 220x370 ($\pm 5\%$). 02 Bao chụp đầu đèn MS Ø60. 01 Bao chụp đầu đèn S Ø55. 01 Bao remote 12x25 ($\pm 5\%$). 01 Bao kính chắn chì 80(w) x 90(l) ($\pm 5\%$). 06 Khăn thấm 30x40 ($\pm 5\%$). 03 Áo phẫu thuật basic L 160(w) x 135(l) ($\pm 5\%$). 01 Tấm phủ chắn chì 180x150cm ($\pm 5\%$). 01 Khăn có lỗ với màng phẫu Ø 8cm 120x160cm ($\pm 5\%$). 02 Khăn không keo thấm 15x60cm ($\pm 5\%$). Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	50
20	Dây truyền dung dịch liệt tim các cỡ	Dây truyền dung dịch liệt tim các cỡ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	30
21	Vi ống thông micro catheter 2.7Fr	Kích thước: Đường kính: 2.7Fr, Chiều dài tối đa 130 cm. Cấu trúc 3 lớp: Lớp trong phủ PTFE hoặc tương đương. Lớp giữa là lớp cuộn chất liệu Tungsten hoặc tương đương. Lớp ngoài phủ lớp ái nước. Lõi bằng hợp kim Nitinol hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	50
22	Vi ống thông micro catheter 2.0Fr	Cấu trúc 3 lớp. Lớp trong: phủ lớp PTFE hoặc tương đương. Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten tăng tính cản quang. Lớp ngoài: phủ lớp ái nước. Kích thước: Đường kính 2.0Fr. Chiều dài tối đa 130 cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	30
23	Dây dẫn dùng cho micro catheter 2.0Fr	Đường kính: 0.016 inches/0,40 mm. Chiều dài: 165 cm và 180 cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	Ống thông catheter Vertebra	Cấu tạo: lớp trong và lớp ngoài là Polyurethan hoặc trong đưng. Lớp giữa là lớp đan kép. Kích thước: 4Fr, 5Fr. Đường kính lòng ống: 4Fr (1.03mm) hoặc 5Fr (1.2 mm). Chiều dài: 100 cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	45
25	Dây dẫn cho ống thông vertebra	Dây dẫn dùng cho ống thông cỡ 4Fr, 5Fr. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15
26	Vật liệu nút mạch tạm thời (spongel) các loại, các cỡ	Vật liệu nút mạch tạm thời các loại, các cỡ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Ống	50
7.2 Phẫu thuật tim mạch				
27	Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em kèm dây dẫn	Hệ thống phổi nhân tạo kèm dây dẫn dùng cho trẻ em. Diện tích bề mặt màng: $\geq 0,5m^2$. Bộ trao đổi nhiệt: Polyethylene Terephthalate (PET) hoặc trong đưng. Thể tích mỗi: $\geq 48ml$. Thể tích bình chứa máu: $\geq 1200ml$. Kích thước màng lọc lần lượt là 30 và 64 micromet. Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo cho trẻ em chất liệu PVC, silicone hoặc trong đưng. Đảm bảo tương thích với quả phổi và máy tim phổi nhân tạo. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	8
28	Cannuyn dẫn lưu tim trái các cỡ	Có đánh dấu độ sâu. Dùng cho trẻ em và người lớn. Chất liệu PVC hoặc silicon. Chiều dài tổng thể 13 in (33.0 cm), 15 in (38.1 cm), 16 in (40.6 cm). Đầu tip đục lỗ, các cỡ: 10 Fr (3.3 mm), 13 Fr (4.3 mm), 15 Fr (5.0 mm), 16 Fr (5.3 mm), 18 Fr (6.0 mm), 20 Fr (6.7 mm). Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	21
29	Cannuyn động mạch cong các cỡ	Cannulae động mạch đầu nhựa, mũi cong 135 độ, có dây xoắn tăng cường. Độ dài: 22 cm. Đường kính: 2.6mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	20
30	Cannuyn tĩnh mạch cong ống có dây xoắn tăng cường các cỡ chẵn.	Cannuyn tĩnh mạch đầu cong 90 độ, đầu có cổ khâu bằng nhựa, ống có dây xoắn tăng cường, các cỡ 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18 Fr, 20Fr. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15
31	Cannuyn tĩnh mạch cong các cỡ	Cannulae tĩnh mạch đầu nhựa, mũi cong 90 độ, có dây xoắn tăng cường. Độ dài: 25cm, 26cm, 27cm. Đường kính: 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10
32	Canuyn tĩnh mạch một tầng đầu thẳng các cỡ	Cannulae tĩnh mạch một tầng đầu thẳng, có vạch đánh dấu độ sâu. Cổng kết nối 1/4 đến 3/8 inches. Chiều dài tổng thể 12 đến 16 inches. Các cỡ 18 Fr, 20 Fr, 22 Fr, 24 Fr. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10
33	Kim gốc động mạch chủ các cỡ	Cannula gốc động mạch chủ với đầu chẵn xạ. Chiều dài tổng thể 5,5 inches với các cỡ 9 ga (11 Fr), 12 ga (9 Fr), 14 ga (7 Fr), 16 ga (5 Fr), 18 ga (4 Fr)). Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	20

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
34	Quả lọc máu rút nước đồng bộ dây dẫn	Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone hoặc tương đương. Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. Diện tích bề mặt: 0.25m ² / 0.68m ² . Thể tích dịch mỗi: 45ml/ 137ml. Áp lực tối đa: ≥66kPa. Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	15
35	Dây truyền dùng trong chạy tim phổi nhân tạo	Dây truyền dùng trong chạy tim phổi nhân tạo. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	200
36	Bộ khăn mổ tim trẻ em dùng cho phẫu thuật tim hở	Bao gồm: 01 khăn trải bàn dụng cụ 200 x 300 (±5%), 01 khăn phủ dụng cụ 150 x 160 (±5%), 02 túi dụng cụ 40 x 35 (±5%), 06 băng keo OP 9 x 50 (±5%), 01 khăn mổ tim 250 x 365 (±5%), 01 khăn đa dụng 15 x 30 (±5%), 01 khăn có lỗ tròn 50 x 60 (±5%), 18 khăn thấm 30 x 40 (±5%). 05 áo phẫu thuật gia cố cổ thân L 135(l) x 160(w) (±5%), 02 áo phẫu thuật gia cố thân M 125(l) x 150(w) (±5%), 04 khăn có keo 60 x 90 (±5%). Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	20
37	Bộ khăn mổ tim trẻ em dùng cho phẫu thuật tim kín	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 (±3%); 01 Khăn phủ đầu 160 x 250 (±3%); 01 Khăn phủ chân 180 x 200 (±3%); 02 Khăn phủ bên 80 x 90 (±3%); 04 Khăn thấm 35 x 40 (±3%); 01 Băng keo OP 9 x 50 (±3%); 02 Áo phẫu thuật hai lớp M 125 x 150 (±3%); 03 Áo phẫu thuật hai lớp L 135 x 160 (±3%); 10 Khăn thấm B 24 x 33. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	10
38	Dung dịch bảo quản tạng	Thành phần có Sodium Chlorid 15mmol/l; potassium chlorid 9mmol/l; magnesium chlorid x 6 H ₂ O 4mmol/l; histidine x HCl x H ₂ O 18mmol/l; histidine 180mmol/l; tryptophan 2mmol/l; mannitol 30mmol/l; calcium chlorid x 2 H ₂ O 0.015 mmol/l, potassium hydrogen 2-ketoglutarate 1.0 mmol. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Túi	25
39	Ống thử chức năng đông máu	Ống thử chức năng đông máu. Tương thích với máy đo chức năng đông máu Model: Hemochron Response- Accriva. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	8
40	Canuyl động mạch đùi có thân chống xoắn các cỡ chẫn	Canuyl động mạch đùi trẻ em. Không chứa DEHP. Đi kèm một kim chọc mạch bằng PVC không chứa phtalat có dây lái 0.025 inches. Chiều dài tổng thể 22.9 cm. Cổng kết nối 1/4 inches. Thành mỏng 0,38 mm. Các cỡ 8 Fr, 10 Fr, 12 Fr, 14 Fr với đầu tip các cỡ dài 10.0 cm, 10.5 cm, 11.0 cm, 11.5 cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	2
41	Canuyl tĩnh mạch đùi có thân chống xoắn các cỡ chẫn.	Cannulae tĩnh mạch đùi trẻ em. Không chứa DEHP. Đi kèm một kim chọc mạch bằng PVC không chứa phtalat có dây lái 0.025 inches. Cổng kết nối 1/4 inches. Chiều dài tổng thể 22.9 cm. Chiều dài đầu tip từ 10.0 cm, 10.5 cm, 11.0 cm, 11.5 cm. Các cỡ 8 Fr, 10 Fr, 12 Fr, 14 Fr. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Canuyl tĩnh mạch vành 14 Fr	cannula truyền vành cỡ 14Fr, chiều dài 15,2cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1
43	Canuyl tĩnh mạch vành 10 Fr	cannula truyền vành cỡ 10Fr, chiều dài 19,1 cm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo. / *Minh*

Nơi nhận:

- Nt; SYTON (đăng tài)
- Lưu: VT, KHTH. *Minh*



Bùi Minh Cường

**PHỤ LỤC
BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số. giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
3												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))